TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P
TỈNH THÁI NGUYÊN

Số: 03/2020/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

P, ngày 08 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 229/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Ông Tô Ngọc M, sinh năm 1963

HKTT: Xóm T, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Bản N, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Tô Ngọc M và bà Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Tô Ngọc M và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Cháu Tô Thị T, sinh ngày 26/9/1990 và cháu Tô Văn T, sinh ngày 19/5/1993 đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, ông Tô Ngọc M và bà Nguyễn Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Ông M và bà T đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về công nợ chung: Ông M và bà T đều xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Án phí ly hôn sơ thẩm: Hai bên đương sự đều nhất trí thỏa thuận: Ông Tô Ngọc M tự nguyện nộp số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001002 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Ông M được hoàn trả số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- UBND xã X;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Sái Đức Trung